

Số: 268/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 24 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết
Khu đô thị nghỉ dưỡng Mỹ Lâm - Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, được sửa đổi, bổ sung tại: Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014, đã được sửa đổi, bổ sung tại: Điều 28 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 39 Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009 đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 140 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Khoản 2 Điều 39 và điểm b khoản 3 Điều 39 Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019; Khoản 6 Điều 75 Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 820/QĐ-TTg ngày 10/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư khu đô thị nghỉ dưỡng Mỹ Lâm - Tuyên Quang;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày

31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật; Thông tư số 01/2021/TT/BXD ngày 19/05/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng phát triển đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 25/06/2021 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng số 03 tỷ lệ 1/2.000 thuộc Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 06/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 06/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 24/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án khu đô thị nghỉ dưỡng Mỹ Lâm -Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết khu đô thị nghỉ dưỡng Mỹ Lâm – Tuyên Quang;

Căn cứ Thông báo số 120/TB-UBND ngày 14/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kết luận phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh về đồ án quy hoạch chi tiết Khu đô thị nghỉ dưỡng Mỹ Lâm-Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1638/TTr-SXD ngày 10/7/2024 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết Khu đô thị nghỉ dưỡng Mỹ Lâm – Tuyên

Quang và Văn bản số 1763/SXD-QHKT ngày 22/7/2024 về đồ án quy hoạch chi tiết Khu đô thị nghỉ dưỡng Mỹ Lâm – Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết Khu đô thị nghỉ dưỡng Mỹ Lâm - Tuyên Quang với những nội dung chính sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết Khu đô thị nghỉ dưỡng Mỹ Lâm - Tuyên Quang.

2. Địa điểm, vị trí phạm vi ranh giới:

- Địa điểm: xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn và xã Kim Phú, phường Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Vị trí, phạm vi ranh giới khu đất:

+ Phía Bắc: Giáp với đường Quốc lộ 37, khu dân cư phường Mỹ Lâm;

+ Phía Nam: Giáp đường điện 220kV; đất nông, lâm nghiệp; đất dân cư hiện hữu thuộc xã Nhữ Hán huyện Yên Sơn và xã Kim Phú thành phố Tuyên Quang;

+ Phía Đông: Giáp với đất nông, lâm nghiệp; khu dân cư hiện hữu thuộc tổ dân phố 01 phường Mỹ Lâm;

+ Phía Tây: Giáp với đất nông, lâm nghiệp; đất dân cư hiện hữu thuộc thôn Thọ Bằng, thôn Y Bằng, thôn Miêu Trại, thôn Trại Xoan, xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn.

3. Quy mô lập quy hoạch:

- Quy mô tổng diện tích lập quy hoạch: 5.402.579,71m²

- Quy mô dự báo dân số khoảng: 19.980 người.

4. Tính chất:

Xây dựng khu đô thị sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng và dịch vụ kiểu mẫu, đa dạng được định hướng phát triển hiện đại, đồng bộ, khai thác yếu tố cảnh quan cây xanh tự nhiên; tạo bước đột phá về phát triển kinh tế xã hội và động lực phát triển thành phố Tuyên Quang và khu vực lân cận; khớp nối đồng bộ, bền vững hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phù hợp với các đồ án quy hoạch và các dự án đã, đang triển khai tại khu vực, kết nối không gian kiến trúc cảnh quan tạo ra sự hài hòa và đặc trưng về kiến trúc trong khu vực.

Kết hợp với các dự án: Sân GOLF Vinpearl Mỹ Lâm- Tuyên Quang; khu trung tâm vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng công cộng thuộc khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm; Khu công viên thể dục thể thao Mỹ Lâm, thành phố tuyên Quang hình thành một quần thể du lịch, thương mại, giải trí phù hợp với không gian kiến trúc cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đầy đủ, thân thiện với môi trường nhằm phát triển thành phố Tuyên Quang theo hướng đô thị thông minh, đô thị xanh mang bản sắc riêng của đô thị miền núi.

5. Các yêu cầu về nội dung đồ án quy hoạch chi tiết:

5.2. Cơ cấu sử dụng đất, chỉ tiêu sử dụng đất đồ án quy hoạch:

Tổng diện tích quy hoạch chi tiết: 5.402.579,71m².

BẢNG THỐNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT TOÀN KHU			
STT	CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)
A	Đất dân dụng	2.720.027,31	
I	Đất đơn vị ở	1.874.444,46	34,70
1	Đất nhà ở	1.288.058,93	23,84
1.1	Đất nhà ở mới	840.081,14	15,55
	<i>Đất nhà ở biệt thự nghỉ dưỡng</i>	831.544,06	
	<i>Đất nhà ở liền kề</i>	8.537,08	
1.2	Đất nhà ở xã hội	228.479,83	
1.3	Đất nhà ở hiện trạng	150.908,48	
1.4	Đất nhà ở tái định cư	68.589,48	
2	Đất công trình hạ tầng xã hội	228.282,65	4,23
2.1	Đất y tế (<i>Cơ sở y tế</i>)	8.193,06	
2.2	Đất văn hoá	22.226,48	
2.3	Đất thể dục thể thao	21.856,73	
2.4	Đất thương mại	36.009,93	
2.5	Đất giáo dục	53.931,55	
	<i>Đất trường mầm non</i>	19.296,27	
	<i>Đất trường liên cấp (Tiểu học, trung học cơ sở)</i>	34.635,28	
2.6	Đất cây xanh sử dụng công cộng	86.064,90	
3	Đất bãi đỗ xe	56.217,95	1,04
4	Đất giao thông (Đơn vị ở)	301.884,93	5,59
II	Đất ngoài đơn vị ở	845.582,85	15,65
1	Đất công trình dịch vụ - Công cộng cấp đô thị	70.255,04	1,30
1.1	Đất văn hoá - Thể dục thể thao	31.862,96	
	<i>Sân thể thao cơ bản</i>	10.957,45	
	<i>Trung tâm văn hóa - thể thao</i>	14.962,10	
	<i>Cung văn hóa</i>	5.943,41	
1.2	Đất thương mại-Dịch vụ	28.161,69	
	<i>Chợ cấp đô thị</i>	10.430,66	
	<i>Thương mại, dịch vụ, đường lão...</i>	17.731,03	
1.3	Đất giáo dục (<i>Trường trung học phổ thông</i>)	10.230,39	
2	Đất an ninh	500,00	0,01
	<i>Trụ sở PCCC</i>	500,00	
3	Đất cơ quan, trụ sở	962,86	0,02
	<i>Bưu điện xã</i>	375,28	
	<i>Công an phường Mỹ Lâm</i>	587,58	
4	Đất cây xanh đô thị	141.205,13	2,61
5	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	60.767,63	1,12
6	Đất giao thông đô thị	571.892,19	10,59
B	Đất ngoài dân dụng	2.682.552,40	
1	Đất cây xanh tự nhiên	2.222.267,92	41,13
2	Đất cây xanh chuyên dụng	68.259,26	1,26
3	Mặt nước	392.025,22	7,26
	<i>Hồ thủy lợi</i>	183.177,55	
	<i>Diện tích mặt nước</i>	208.847,67	
	TỔNG	5.402.579,71	100,00

(Bảng thống kê cơ cấu sử dụng đất chi tiết theo nội dung thẩm định tại Văn bản số 69/BC-SXD ngày 08/7/2024 của Sở Xây dựng và hồ sơ quy hoạch chi tiết kèm theo)

6. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đạt được:

STT	Các chỉ tiêu chính	Tổng chỉ tiêu đồ án	Chỉ tiêu quy hoạch	
			QH đạt được	QCVN 01/2021
1	Đất ở	1.288.058,93 m²	64,47m²/người	≥15m²/người
1.1	Đất ở mới			
	Đất nhà ở biệt thự nghỉ dưỡng	831.544,06 m ²		
	Đất nhà ở liền kề	8.537,08 m ²		
	Đất nhà ở xã hội	228.479,83 m ²	20,09%	20%
	Đất nhà ở tái định cư	68.589,48 m ²		
1.2	Đất nhà ở hiện trạng	150.908,48 m ²		
2	Đất công trình hạ tầng xã hội đơn vị ở			
2.1	Đất y tế	8.193,06 m ²	(05 cơ sở)	> 500m ² /cơ sở
2.2	Đất thể dục thể thao	21.856,73 m ²	1,09 m ² /người	0,5 m ² /người
2.3	Đất giáo dục			
	Đất trường mầm non (1000 cháu)	19.296,27 m ²	19,3 m ² /cháu	12 m ² /cháu
	Đất trường liên cấp (tiểu học, THCS) (1299+ 1099 học sinh)	34.635,28 m ²	14,44 m ² /HS	10 m ² /HS
2.4	Đất cây xanh sử dụng công cộng	86.064,90 m ²	4,31 m ² /người (chưa tính tỷ lệ mặt nước)	2 m ² /người
3	Bãi đỗ xe	56.217,95 m²	2.81m²/người	2,5m²/người
4	Đất Công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị			
4.1	Đất thương mại dịch vụ (Chợ)	10.430,66 m ²	1,04ha	1ha/công trình
4.2	Đất giáo dục (THPT) (1000 học sinh)	10.230,39 m ²	10,23m ² /HS	10m ² /HS
5	Đất giao thông	873.777,12m²	32,21%	23%-25%
6	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật			
6.1	Cấp nước	7.419,33m ³ /ngđ	150 lít/ ng.ngđ	≥150 lít/ ng.ngđ
6.2	Cấp điện	62 trạm biến áp với công suất 46.950kVA	0,7 KW/người	≥0,7 KW/người
6.3	Thoát nước thải	4.549,44m ³ /ngđ	100% nước cấp	100% nước cấp

7. Giải pháp tổ chức không gian:

7.1. Phân khu chức năng:

Toàn bộ khu vực lập quy hoạch được phân thành 4 khu:

- Khu A – Khu biệt thự ven hồ: Nằm ở phía Tây Bắc khu vực lập quy hoạch với diện tích khoảng 139,61 ha. Khu vực được định hướng phát triển thành khu đô thị nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp với các loại hình biệt thự ven hồ.

- Khu B - Khu biệt thự trong rừng: Nằm ở phía Nam khu vực lập quy hoạch với diện tích khoảng 144,41 ha. Khu vực được định hướng phát triển thành khu đô thị du lịch nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp với các loại hình biệt thự trên núi, ẩn nấp trong rừng.

- Khu C - Khu biệt thự trên đồi và biệt thự golf: Nằm ở khu vực trung tâm và về hướng Đông Bắc khu vực lập quy hoạch. Diện tích khu biệt thự trên đồi và khu biệt thự golf là 202,12 ha. Khu vực được định hướng thành khu đô thị du lịch nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp với các loại hình biệt thự trên đồi, hướng nhìn ra công viên đô thị và biệt thự hướng nhìn ra khu sân golf.

- Khu D - Khu mở rộng: Nằm ở phía Bắc giáp trục đường QL37, với diện tích khoảng 54,12 ha. Khu vực được định hướng phát triển khu nhà ở liền kề kết hợp thương mại dịch vụ.

- Tại các khu B, C, D có giữ lại một phần các nhóm nhà ở hiện hữu để chỉnh trang, quy hoạch 04 khu tái định cư với tổng diện tích là 68.589,48m² cụ thể:

+ Khu 1 nằm ở phía Nam của dự án (thôn 25 xã Kim Phú), với diện tích khoảng 14.224,3m² (ký hiệu: B-TDC.02, B-TDC.03, B-TDC.04), bố trí quy hoạch 119 lô.

+ Khu 2 nằm ở phía Nam của dự án (tổ dân phố 09 phường Mỹ Lâm), với diện tích khoảng 9.533,7m² (ký hiệu: B-TDC.01, C-TDC01), bố trí quy hoạch 74 lô.

+ Khu 3 nằm ở phía Đông Bắc của dự án, cạnh trạm xăng dầu (tổ dân phố 01 phường Mỹ Lâm), với diện tích khoảng 9.967,47m² (ký hiệu: D-TDC.09, D-TDC.10, D-TDC.11, B-TDC.12), bố trí quy hoạch 88 lô. Phần phía tiếp giáp đường Quốc lộ 37 bố trí trục đường gom trước khi đầu nối vào Quốc lộ.

+ Khu 4 nằm ở phía Bắc dự án, giáp quốc lộ 37 và tuyến điện 110kv (tổ dân phố 04, 05 phường Mỹ Lâm), với diện tích khoảng 34.863,95m² (ký hiệu: D-TDC.01, D-TDC.02, D-TDC.03, D-TDC.04, D-TDC.05, D-TDC.06, D-TDC.07, D-TDC.08), bố trí quy hoạch 267 lô. Phần tiếp giáp trục đường Quốc lộ 37 bố trí đường gom đảm bảo quy định trước khi đầu nối vào Quốc lộ.

- Quy hoạch 04 khu nhà ở xã hội với tổng diện tích là 228.479,83m² cụ thể:

+ Khu 1 nằm ở phía Nam của dự án (thôn 25 xã Kim Phú) bố trí khoảng 63.467,53m², (ký hiệu: B-NOXH.01) nằm đối diện đất tái định cư khu 1 và đường điện 220kV.

+ Khu 2 nằm ở phía Nam của dự án (tổ dân phố 09 phường Mỹ Lâm bố trí khoảng 20.010,11m² (ký hiệu: C-NOXH.01).

+ Khu 3 nằm ở phía Bắc của dự án, cách trục đường QL37 khoảng 60m nằm phía Tây khu tái định cư số 3 (tổ dân phố 04, 05 phường Mỹ Lâm), với diện tích khoảng 12.698,10 m² (ký hiệu: D-NOXH.01).

+ Khu 4 nằm ở phía Bắc dự án, giáp quốc lộ 37 và tuyến điện 110kv (tổ dân phố 04, 05 phường Mỹ Lâm) với diện tích khoảng 132.304,09 m² (ký hiệu: D-NOXH.02).

7.2. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan:

Công trình kiến trúc được bố trí không gian thông thoáng và khai thác tối đa cảnh quan tự nhiên của khu vực. Hình thức kiến trúc mang bản sắc của khu vực, hài hòa với cảnh quan, hiện đại, sinh động hấp dẫn. Các công trình công cộng và thương mại dịch vụ trong khu vực được thiết kế với hình thái kiến trúc hợp lý, sử dụng chất liệu địa phương hài hòa với không gian của một khu đô thị nghỉ dưỡng, góp phần làm tăng thêm giá trị cho khu vực.

Các công trình công cộng được quy hoạch, bố trí phù hợp với quy chuẩn về quy hoạch xây dựng, đảm bảo đáp ứng nhu cầu theo quy mô dân số dự báo cho khu vực và các khu vực có liên quan. Việc xác định quỹ đất, chỉ tiêu công trình công cộng có xét đến việc phối hợp sử dụng các công trình công cộng xung quanh khu vực thiết kế.

Công viên cây xanh đô thị và trung tâm thể dục thể thao là điểm nhấn kết nối công cộng cho toàn khu vực. Tại đây, tổ chức nhiều không gian mở thân thiện, gần gũi với người dân. Tạo các khoảng không gian trồng có trồng cây bóng mát, thuận lợi tổ chức các hoạt động tập trung đông người như hội chợ, triển lãm ngoài trời, khuyến khích các hoạt động dịch vụ du lịch, thương mại, ẩm thực, thân thiện, gần gũi và linh động đáp ứng đa dạng nhu cầu sử dụng, tăng không gian giao lưu hấp dẫn cho người dân và khách du lịch,...

7.3. Giải pháp về kiến trúc, thiết kế đô thị:

7.3.1. Khu nhà ở:

a) Công trình nhà liền kề kết hợp các hoạt động thương mại dịch vụ được bố trí tại các tuyến đường chính đô thị và đường giao thông đối ngoại. Các hoạt động thương mại dịch vụ được kết hợp linh hoạt như nhà hàng, cà phê, cửa hàng,... Công trình mang ngôn ngữ hiện đại, thân thiện, được bố trí thành từng cụm, xung quanh là các công trình công cộng và công viên cây xanh nhỏ nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, văn hóa của người dân.

b) Công trình biệt thự được bố trí đa dạng, khai thác tối đa cảnh quan đặc trưng của khu vực nhằm tăng giá trị và chất lượng sống.

Khu biệt thự ven hồ: Mang phong cách Nhật Bản – lấy cảm hứng từ các khu nghỉ dưỡng 5 sao Onsen tại Nhật, mang vẻ đẹp tinh tế, tối giản và đẳng cấp, hài hòa tuyệt đối với thiên nhiên.

Khu biệt thự trong rừng: Mang phong cách nhiệt đới kết hợp kiến trúc “Mộc” – lấy cảm hứng từ các khu nghỉ dưỡng 5 sao tại Bali.

Khu biệt thự ven đồi: Mang phong cách kiến trúc biệt thự quý tộc Châu Âu – tạo sự riêng tư, đẳng cấp, khai thác tối đa góc nhìn để tận hưởng cảnh quan thiên nhiên núi rừng.

Khu biệt thự sân golf: Mang phong cách kiến trúc Tây Ban Nha – tổng thể kiến trúc theo hướng mở, thoáng, và tạo sự giao hòa với cảnh quan xung quanh.

c) Cảnh quan trong nhóm ở.

Khu ở mới được thiết kế bao quanh lõi xanh đơn vị ở, tiện dụng cho sử dụng và tạo cảnh quan.

d) Cảnh quan cây xanh.

+ Khu công viên cây xanh trung tâm: Quảng trường đa năng kết hợp khu công viên cây xanh phục vụ chung cho cả dự án.

+ Khu vườn hoa cây xanh: Khu vực lõi xanh, công trình công cộng trong các nhóm ở.

7.3.2. Các công trình công cộng:

Các công trình công cộng được quy hoạch phù hợp với quy chuẩn về quy hoạch xây dựng, đảm bảo đáp ứng nhu cầu theo quy mô dân số dự báo cho khu vực lập quy hoạch và các khu vực có liên quan. Việc xác định quỹ đất, chỉ tiêu công trình công cộng có xét đến việc phối hợp sử dụng các công trình công cộng xung quanh khu vực thiết kế.

Các công trình dịch vụ đô thị và dịch vụ công cộng được quy hoạch tạo thành không gian công cộng trong từng đơn vị ở. Xây mới các công trình trường mẫu giáo, trường tiểu học, trường THCS với quy mô và vị trí đáp ứng đủ quy chuẩn.

7.3.3. Tổ chức không gian cây xanh, mặt nước:

Công viên cây xanh đô thị và trung tâm thể dục thể thao là điểm nhấn kết nối công cộng cho toàn khu vực. Tại đây, tổ chức nhiều không gian mở thân thiện, gần gũi với người dân. Tạo các khoảng không gian trồng có trồng cây bóng mát, thuận lợi tổ chức các hoạt động tập trung đông người như hội chợ, triển lãm ngoài trời, khuyến khích các hoạt động dịch vụ du lịch, thương mại, ẩm thực, thân thiện, gần gũi và linh động đáp ứng đa dạng nhu cầu sử dụng, tăng không gian giao lưu hấp dẫn cho người dân và khách du lịch,...

Tận dụng yếu tố địa hình, thiết kế đa dạng các không gian cảnh quan công viên, tạo độ thoải mái về hồ nước, bố trí kết hợp các ram dốc dành cho người khuyết tật; tạo các không gian để bố trí chỗ ngồi tạo thuận lợi cho hoạt động giao lưu, làm phong phú trải nghiệm cho người dân và nâng cao hiệu quả khai thác mặt nước.

7.3.4. Tổ chức cảnh quan trong khu dân cư:

Tổ chức sân chơi trong các nhóm nhà ở, không bị chia cắt bởi giao thông cơ giới. Các sân chơi công cộng phục vụ các nhóm nhà ở được tổ chức có ít nhất một phía tiếp giáp với công trình xây dựng hoặc đường đi bộ. Sân chơi tổ chức dạng sân lát và trồng cây bóng mát, bố trí ghế ngồi.

Trên tuyến đường trồng nhiều cây bóng mát, tạo các khoảng trống lớn nhỏ đa dạng, mở rộng một số vỉa hè, lòng đường làm không gian mở.

Bố trí các tiện ích công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng, vui chơi giải trí của người dân. Trong các nhóm nhà ở phải bố trí vườn hoa, sân chơi phục vụ nhóm nhà ở với bán kính phục vụ không > 300m.

8. Giải pháp về tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật, nguồn cung cấp:

8.1. Chuẩn bị kỹ thuật:

Tuân thủ cao độ nền không chế quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, khu dân cư hiện hữu và các dự án khu vực xung quanh.

Cao độ san nền các ô đất xây mới được xác định trên cơ sở cao độ không chế tim đường xung quanh ô đất cao độ san nền trung bình là cốt 80,5m, trong đó cao độ thấp nhất của khu vực là cốt 31m, cao độ cao nhất là 130m.

Đối với khu vực nền tiếp giáp giữa khu mới và khu xây dựng cũ cần có giải pháp khớp nối, kết hợp với xây dựng hệ thống thoát nước trong các giai đoạn tiếp theo để hạn chế chênh cao độ nền và tránh gây úng ngập cục bộ cho khu vực.

Giải pháp san nền, kết hợp với các giải pháp công trình như kè. Tránh lấn chiếm nguồn nước mặt và hành lang bảo vệ các tuyến suối thoát nước chính của khu vực.

Giải pháp san nền hạn chế tối đa việc san lấp, tính toán cân bằng đào đắp tự nhiên trong dự án. Tại những nơi nền trũng tiến hành đắp nền tạo mặt phẳng xây dựng công trình. Khối lượng đất đắp được tận dụng từ khối lượng các khu vực đào. Tuy nhiên tại bước thiết kế cơ sở phải xác định các mỏ đất đắp và điểm đổ thải theo quy định.

Khu vực san lấp có mái ta luy lớn, cần có giải pháp ổn định mái ta luy, tránh sạt lở.

Khối lượng đắp nền các ô đất xây dựng được tính theo phương pháp trung bình.

8.2. Thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, nước mưa và nước thải chảy trên những hệ thống riêng lẻ.

Trên cơ sở hiện trạng thoát nước mưa, khu vực nghiên cứu được phân ra thành 2 lưu vực, cụ thể như sau:

- Lưu vực 1: Ở phía Tây khu vực lập quy hoạch, nước mưa được thu gom và đổ vào các hồ cảnh quan, sau đó thoát về hệ thống suối hiện trạng ở phía Tây Bắc và phía Nam khu vực.

- Lưu vực 2: Ở phía Đông khu vực quy hoạch, nước mưa được thu gom qua hệ thống mương thoát nước sau đó thoát về hệ thống suối hiện trạng ở phía Đông Bắc của khu vực.

Hệ thống thoát nước mưa bao gồm:

- Các tuyến mương thoát nước bố trí dọc theo các tuyến đường của dự án, các tuyến cống này được thoát vào các hồ, khe tự thủy và các suối hiện trạng trong khu vực.

- Các tuyến mương thoát nước mưa có đường kính từ B400 đến B1000.

- Trong khu vực có các ao hồ hiện trạng, diện tích lớn, xây dựng các đập điều tiết lượng nước, đảm bảo điều hòa nước và tạo cảnh quan trong khu vực.

• **Hệ thống hoàn trả:**

- Phía Tây, phía Nam: có 02 hồ Gốc Sồi và Hồ Chuối tại xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn nhằm mục đích để tưới tiêu cho ruộng lúa bên ngoài phạm vi khu vực lập quy hoạch. Thực hiện hoàn trả hệ thống tưới này như sau:

+ Tại hồ Hồ Chuối: hoàn trả nguồn nước tưới bằng cách đầu nối vào mương hở B=5m để phục vụ tưới tiêu khu vực bên ngoài dự án.

+ Tại hồ Gốc Sồi: hoàn trả nguồn nước tưới bằng cách đầu nối vào mương hở B=5m để phục vụ tưới tiêu khu vực bên ngoài dự án.

- Sau khi đồ án quy hoạch chi tiết Khu đô thị được phê duyệt, trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chủ đầu tư chỉ cải tạo ven hồ để tạo cảnh quan, tạo quỹ đất nhà ở, việc cải tạo này đảm bảo không ảnh hưởng đến các vị trí cửa xả phục vụ tưới tiêu, giữ phần mặt nước, đảm bảo lưu lượng nước lòng hồ phục vụ tưới tiêu ruộng lúa cho các hộ dân bên ngoài dự án. Việc cải tạo cảnh quan khu vực xung quanh hồ đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, không làm ảnh hưởng đến lưu lượng, chất lượng nguồn nước hiện đang cung cấp vào hồ.

+ Thực hiện các thủ tục cấp phép hoạt động xây dựng trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định.

+ Làm việc và thỏa thuận với Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang đối với hồ Hồ Chuối và Ban quản lý công trình thủy lợi xã Mỹ Bằng đối với hồ Gốc Sồi, đảm bảo các hoạt động trong khi đầu tư xây dựng các công trình thuộc dự án và sau khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, vận hành, khai thác các công trình thủy lợi này.

+ Trường hợp các hạng mục công trình xây dựng của dự án có ảnh hưởng đến phạm vi bảo vệ các công trình thủy lợi hồ Hồ Chuối và hồ Gốc Sồi, làm giảm dung tích chứa của hồ chứa thì phải lập hồ sơ xin cấp phép, trong đó có biện pháp công trình cụ thể hoàn trả lại dung tích đảm bảo không nhỏ hơn dung tích của các hồ hiện hữu.

+ Sau khi chủ đầu tư hoàn tất việc cải tạo xung quanh hồ, hoàn thành đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật liên quan đến hồ Gốc Sồi và hồ Hồ Chuối sẽ bàn giao lại cho lý địa phương quản lý phục vụ sản xuất nông nghiệp đảm bảo đúng mục tiêu thủy lợi.

8.3 Hệ thống giao thông:

8.3.1. Giao thông đối ngoại:

Ngoài khu vực quy hoạch có tuyến cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang đang

được triển khai đầu tư xây dựng. Tuyến cao tốc đầu nối vào Quốc lộ 37, giúp kết nối đến nút giao Nhữ Khê trên cao tốc Tuyên Quang – Phú Thọ và thành phố Hà Nội ở phía Đông Nam, giảm áp lực cho đường Quốc lộ 2 kết nối vào thành phố Tuyên Quang và Quốc lộ 37.

Quốc lộ 37 và đường số 75 là những tuyến đường chạy ngang qua khu vực quy hoạch, đóng vai trò kết nối khu quy hoạch với các vùng lân cận. Trong đó, Quốc lộ 37 giúp kết nối với thành phố Tuyên Quang và đi tỉnh Yên Bái; đường số 75 giúp kết nối ra Quốc lộ 2 cũng như đường tránh Quốc lộ 37. Dự kiến nâng cấp mở rộng đường với 2 quy mô như sau: Với đường có lộ giới: 42m; mặt đường chính rộng 9mx2, dải phân cách giữa rộng 2m; hè đường mỗi bên rộng 5m; mặt đường gom rộng 9m; hè đường gom rộng 3m (ký hiệu đường: MC 7-7). Với đường có lộ giới: 30m; mặt đường rộng 9mx2; dải phân cách giữa rộng 2m; hè đường mỗi bên rộng 5m (ký hiệu đường: MC 6- 6).

Đường số 63: đóng vai trò là đường vành đai và có Lộ giới: 21m; mặt đường: 11m; hè đường mỗi bên rộng 5,0m (ký hiệu đường: MC 5-5).

8.3.2. Giao thông đối nội:

a) Đường khu vực: Đường số 10, 11, 12, 16, 21, 22, 23, 24, 30, 33, 35, 48, 51, 55 và 76 có quy mô như sau: Lộ giới: 17,5m; mặt đường: 11,5m; hè đường mỗi bên rộng 3,0m (ký hiệu đường: MC 4-4).

b) Đường nội bộ:

- Đường số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 13, 14, 15, 17, 18, 19, 20, 23A, 25, 26, 28, 29, 31, 32, 36, 38, 39, 40, 41, 43, 44, 46, 47, 49, 50, 52, 53, 54, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63A, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 77 và 78 và 79 có quy mô như sau: Lộ giới: 11m; mặt đường: 7m; hè đường mỗi bên rộng 2,0m (ký hiệu đường: MC 1-1).

- Đường số 27, 45, 81, 83, 84 và 85 có quy mô như sau: Lộ giới: 13m; mặt đường: 7m; hè đường mỗi bên rộng 3,0m (ký hiệu đường: MC 2-2).

- Đường số 34, 37, 42, 80 và 82 có quy mô như sau: Lộ giới: 15m; mặt đường: 9 m; hè đường mỗi bên rộng 3,0m (ký hiệu đường: MC 3-3).

8.3.3. Bãi đỗ xe:

Trong khu vực quy hoạch bố trí một bến xe tập trung có diện tích khoảng 21.828 m² để phục vụ cho nhu cầu phát triển du lịch của khu vực.

Ngoài ra, khu vực quy hoạch còn bố trí 13 bãi đỗ xe trong 4 khu với tổng diện tích khoảng 56.217,95 m² để phục vụ cho nhu cầu đỗ xe của du khách và cư dân bên trong khu vực quy hoạch.

8.4. Cấp nước:

8.4.1. Nguồn nước sinh hoạt của khu vực: Được lấy từ nhà máy nước thuộc dự án xây dựng nhà máy nước khai thác và cung cấp nước sinh hoạt cho phường Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang và các khu vực lân cận với công suất giai đoạn

1 là 2.800m³/ngđ, giai đoạn 2 là 12.000 m³/ngđ thông qua tuyến đường ống truyền dẫn D250 chạy dọc Quốc lộ 37 phía Bắc khu vực lập quy hoạch.

Tổng nhu cầu cấp nước bao gồm nhu cầu sinh hoạt và chữa cháy của khu quy hoạch là: 7.419,33 m³/ngđ.

8.4.2. Cấp nước sinh hoạt: Tổng nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt (cấp nước sinh hoạt cho người dân, công cộng, y tế, giáo dục, thương mại, dịch vụ, tưới cây, rửa đường,...) là 6879,34 m³/ngđ.

Mạng đường ống là mạng vòng kết hợp với mạng lưới cụt cấp nước sinh hoạt và chữa cháy.

Hệ thống cấp nước của khu quy hoạch được đầu nối với tuyến ống truyền dẫn D250 trên đường Quốc Lộ 37 cấp nước cho khu quy hoạch theo các đường ống phân phối D110-D200 và các đường ống phân phối sử dụng ống HDPE đường kính từ D63 đến D200.

Các đường ống cấp nước được bố trí dưới vỉa hè đi đến từng công trình trong khu. Đối với những đoạn ống đặt trên vỉa hè, chiều sâu tối thiểu của lớp đất đắp trên lưng ống phải lớn hơn 0,5m. Đối với các đoạn ống băng đường, chiều sâu tối thiểu của lớp đất đắp trên lưng ống phải lớn hơn 0,7m để có thể hạn chế chấn động từ mặt đường truyền xuống. Những nơi ống cấp nước băng qua đường do chịu tải trọng của các loại xe lưu thông bên trên nên phải lắp đặt ống lồng bên ngoài.

Tại các điểm cao nhất trên tuyến ống phải bố trí van xả khí và điểm thấp nhất phải đặt các van xả cặn.

8.4.3. Cấp nước Phòng cháy chữa cháy:

Nhu cầu cấp nước PCCC với lưu lượng cho 1 đám cháy là 25 l/s và số đám cháy đồng thời xảy ra trong 3 giờ là 2 đám cháy. Tổng lưu lượng chữa cháy là 540 m³/3h.

Dựa vào mạng lưới cấp nước sinh hoạt, bố trí các trụ cứu hỏa tại ngã ba, ngã tư hoặc tại những nơi tập trung đông dân, khoảng cách giữa hai trụ từ 120-150 m. Tổng số trụ cứu hỏa của khu vực quy hoạch 348 trụ.

Tổ chức lực lượng phòng cháy chữa cháy và giáo dục ý thức của người dân sinh sống và làm việc trên địa bàn khu vực quy hoạch về phòng cháy chữa cháy.

8.4.4. Nguồn cấp nước khoáng:

Khu quy hoạch lấy nguồn nước khoáng từ hồ khoan LK13 nằm gần trục đường QL37 với quy mô công suất khoảng 193m³/ngđ (*quy mô công suất sẽ được cơ quan có thẩm quyền xem xét cụ thể ở bước lập dự án*).

8.4.5. Giải pháp quy hoạch mạng lưới cấp nước:

Đầu nối từ đường ống nước khoáng trên đường QL37 cấp cho khu quy hoạch theo các đường ống phân phối D63-D200.

Thiết kế mạng lưới vòng kết hợp với mạng lưới cụt, bố trí tuyến ống cấp nước phân phối D63 - D200 dọc các tuyến đường và cấp nước cho dự án.

Ống cấp nước sử dụng vật liệu ống HDPE. Chiều sâu chôn ống tối thiểu là 0,5m.

8.5. Cấp điện và chiếu sáng:

Nguồn cấp điện chính cho khu được lấy từ TBA 110/35/22kV theo Quy hoạch chung tiếp giáp phía Đông Bắc khu vực lập quy hoạch và trạm 110/22kV Tuyên Quang 2 đang xây dựng. Từ 2 vị trí trạm dẫn trung thế đi ngầm về kết nối các trạm biến áp hạ thế thuộc dự án.

Tuyến dây đi gần các trục giao thông, để đảm bảo công tác vận hành trong quá trình thi công, kiểm tra và sửa chữa được thuận lợi.

Tuyến đi dây là ngắn nhất và ít giao chéo với các công trình giao thông, ít cắt qua các đường điện khác, các công trình xây dựng.

Mạng lưới trung thế: Sử dụng cáp trung thế 35kV theo quy hoạch phân khu và quy hoạch chung, vào quy hoạch dài hạn chuẩn hóa cấp dây điện áp về 22kV theo quy hoạch điện lực quốc gia. Tuyến cáp 22kV sử dụng loại cáp đồng có lớp bảo vệ ký hiệu CXV/DSTA/PVC được luồn trong ống nhựa gân xoắn tiết diện thích hợp.

Mạng lưới hạ thế:

- Cấp điện áp của trạm hạ thế phân phối được lựa chọn là 35(22)/0,4KV.
- Cấp điện áp chuẩn: 380/220V, 3 pha 4 dây, trung tính nối đất.

Mạng lưới chiếu sáng:

- Nguồn cung cấp: Toàn khu quy hoạch được điều khiển bằng các tủ chiếu sáng lấy điện từ các trạm biến áp thuộc dự án. Vị trí đặt tủ gần trạm biến áp.

- Sử dụng trụ đèn STK cao từ 8m-12m tùy thuộc vào bề rộng của lòng đường. Khoảng cách giữa các đèn từ 25m-30m. Dây dẫn: Sử dụng cáp CXV hoặc CXV/DSTA luồn trong ống HDPE chôn trong đất.

- Chú trọng sử dụng các bộ đèn tiết kiệm năng lượng (sử dụng đèn Led), sử dụng các hệ thống điều khiển chiếu sáng công cộng theo công nghệ thông minh, hiện đại nhằm nâng cao hiệu suất chiếu sáng.

Lắp đặt 62 trạm biến áp với tổng công suất là 46.950 kVA.

8.6. Thoát nước thải, vệ sinh môi trường:

8.6.1. Thoát nước thải:

Toàn bộ nước thải của khu quy hoạch được dẫn về trạm xử lý tập trung trong khu quy hoạch với công suất:

- TXL1: Trạm xử lý nước thải công suất 1000 m³/ngđ
- TXL2: Trạm xử lý nước thải công suất 800 m³/ngđ
- TXL3: Trạm xử lý nước thải công suất 900 m³/ngđ

- TXL4: Trạm xử lý nước thải công suất 1100 m³/ngđ
- TXL5: Trạm xử lý nước thải công suất 1500 m³/ngđ
- Xây mới 11 trạm bơm nước thải công suất từ 36 – 350 m³/ngđ. Nước thải được xử lý theo QCVN 14:2008/BTNMT sau đó được đầu nổi thoát ra nguồn tiếp nhận.

Hệ thống thoát nước thải của khu quy hoạch được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước mưa.

Cống thoát nước thải sử dụng cống HDPE đường kính D300 – D400 đối với cống tự chảy và sử dụng cống sắt tráng kẽm đối với cống có áp.

Độ dốc tối thiểu đối với cống thoát nước thải D300 là 0,33%; D400 là 0,25%. Độ sâu chôn cống tối thiểu đối với cống thoát nước thải đặt trên vỉa hè là 0,5m.

Tổng lưu lượng nước thải cần xử lý là: 4.549,44 m³/ngđ

8.6.2. Vệ sinh môi trường:

Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt là 1,0 kg/người/ngày.

Tổng lượng rác sinh hoạt dự kiến 19,98 tấn/ngày.

Tỷ lệ thu gom chất thải rắn trong khu quy hoạch đạt 100%.

Hình thức thu gom: Việc thu gom rác được thực hiện từ các hộ gia đình.

Thu gom rác tại các khu nhà ở: Mỗi hộ gia đình sẽ tự thu gom và đổ rác vào thùng rác của nhà mình. Sau đó được các công nhân vệ sinh thu gom vào các xe vận chuyển rác.

Vận chuyển rác: Dùng xe chuyên dùng để thu gom và vận chuyển rác từ các hộ dân cư đến khu xử lý rác thải tập trung của tỉnh. Việc thu gom và vận chuyển rác từ các hộ gia đình đến nơi xử lý do đơn vị chuyên trách thực hiện.

8.7. Hệ thống viễn thông thụ động:

Tổng nhu cầu toàn khu dự kiến khoảng 11.062 thuê bao (đã tính 10% dự phòng).

Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc đi ngầm trong hệ thống cống bể. Chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn để đảm bảo cung cấp dịch vụ viễn thông như thuê bao điện thoại cố định, internet, truyền hình kỹ thuật số,...

Hệ thống cáp quang được sử dụng cho mạng lưới viễn thông toàn khu để đảm bảo nhu cầu sử dụng đường truyền băng thông lớn và mở rộng quy hoạch sau này theo định hướng chung phát triển hạ tầng viễn thông của Nhà nước, đồng thời phù hợp với mạng lưới cáp quang hiện hữu của khu vực.

Để đảm bảo các kết nối di động có thể hoạt động được, các mạng di động cần trang bị một số trạm di động BTS loại thân thiện môi trường của các tập đoàn viễn thông đặt ở khu công viên cây xanh trong khu quy hoạch nhằm phục vụ cho các kết nối.

9. Giải pháp bảo vệ môi trường:

Các khu vực cây xanh, mặt nước được tận dụng triệt để, hình thành các khu vực khuôn viên cây xanh đô thị.

Có biện pháp xử lý ô nhiễm đặc biệt là ô nhiễm bụi và ô nhiễm môi trường nước: Như trồng cây xanh dọc các tuyến giao thông chính, quản lý chặt chẽ vệ sinh môi trường về rác thải và các hệ thống thoát nước trước khi thải ra môi trường.

Quản lý, khai thác, sử dụng nguồn nước khoáng tiết kiệm, hiệu quả; khai thác nước sạch theo quy hoạch, hạn chế tối đa việc khoan giếng khai thác nước ngầm tự do. Bên cạnh đó, phải kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải từ các khu vực dân cư hiện trạng, tránh ô nhiễm cho môi trường đô thị.

Tuyên truyền sâu rộng về hiệu quả của các hoạt động giảm thiểu ô nhiễm môi trường để khích lệ các hộ dân nâng cao ý thức bảo vệ, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

10. Hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn vốn thực hiện:

Ưu tiên đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội các khu tái định cư đảm bảo ổn định cuộc sống và sinh hoạt cho người dân trong khu vực phải di dời khi thực hiện dự án.

Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, cấp điện, cấp nước, hệ thống thông tin liên lạc, thoát nước mặt, thoát nước thải,...), hệ thống hạ tầng xã hội, các khu chức năng (văn hóa, y tế, giáo dục, công viên mặt nước, hồ cảnh quan,...) trong khu vực dự án và đồng bộ với hệ thống chung hiện có tại khu vực.

Nguồn lực đầu tư dự án bao gồm: Vốn chủ đầu tư và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang, Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn: Tổ chức công bố công khai quy hoạch và quản lý việc thực hiện quy hoạch theo quy định của pháp luật.

2. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Thái Sơn phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức triển khai cắm mốc giới đồ án quy hoạch theo quy định và tổ chức triển khai dự án theo quy hoạch được phê duyệt.

3. Sở Xây dựng: Chịu trách nhiệm toàn diện về sự tuân thủ các quy định của Pháp luật và nội dung trình Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 1638/TTr-SXD ngày 10/7/2024 và Văn bản số 1763/SXD-QHKT ngày 22/7/2024; có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, thực hiện quy hoạch theo quy định của pháp luật.

4. Các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm phối hợp, thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân: xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn và xã Kim Phú, phường Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang; Người đại diện theo Pháp luật của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Thái Sơn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này theo đúng các quy định của Pháp luật hiện hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy; (b/c)
- Thường trực HĐND tỉnh; (b/c)
- Chủ tịch UBND; (b/c)
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (Thực hiện);
- Các phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT. (ĐTXD - H)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Tuấn